TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 20 – 3– 2023 .
V/v " tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Công Hảo

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Phẩm

2. Ông Nguyễn Đinh Cường

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mai Phụng, Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Mang Thít.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít : Không tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long, xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 332/2022/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 11 năm 2022; Về việc: *" Xin ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị P, sinh năm 1981. (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn*: Anh Lê Phú K, sinh năm 1978. (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm A, phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Chỗ ở hiện nay: ấp H, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 11 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị P trình bày:

Chị Lê Thị P và anh Lê Phú K là vợ, chồng hợp pháp được hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Vợ, chồng chung sống không có con chung, thời gian đầu mới cưới sống chung rất hạnh phúc, nhưng về sau càng mâu thuẫn nên vợ, chồng đã ly thân từ đầu năm 2022, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và hiện nay không thể hàn gắn

vì mâu thuẫn quá trầm trọng. Nay cảm thấy tình cảm không còn nên chị P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ hôn nhân: yêu cầu được ly hôn với anh Lê Phú K.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ phải thu, phải trả: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ chị P đã nộp cho Tòa án, không cung cấp gì thêm.

Bị đơn Lê Phú K không có yêu cầu, ý kiến phản bác trong quá trình thu thập chứng cứ chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện yêu cầu hoặc phản bác đối với yêu cầu của chị P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là *"Ly hôn"* theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; Do bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long nên Tòa án nhân dân huyện Mang Thít thụ lý giải quyết là đúng theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt là phù hợp Điều 227, 228 của BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2002 chị P, anh K có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Chị P trình bày do mâu thuẫn nên vợ, chồng đã ly thân từ năm 2022 đến nay không đoàn tựu lại là có thật vì hiện nay anh K không còn sống chung với chị P, không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu, lời trình bày của chị P nên Hội đồng xét xử cho chị P được ly hôn là phù hợp theo quy định tại Điều 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn nộp án phí theo quy định tại Điều 24 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 227, 228 235 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 24 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị P, cho chị Lê Thị P ly hôn với anh Lê Phú K.

2. Về con chung: Không có nên không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn chị Lê Thị P nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít theo lai thu số $N^0$0007454, ngày 08/11/2022 chị P không phải nộp thêm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 , Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Án xử công khai, đương sự có mặt báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện MT 01b;
- THA DS huyện MT 01b;
- Phòng KTNV & THA TAT 01b;
- UBND Phường N 01b;
- Các đương sự 02bản ;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Huỳnh Công Hảo